TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: **49**/2025/DS - ST.
Ngày: 19/6/2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Xuân Vĩnh

2. Ông Phan Duy Bản.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thông Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST- DS ngày 19 tháng 02 năm 2025, về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐST-DS, ngày 10/5/2025. Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 20/TB-TA, ngày 02/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Tịnh Minh T, sinh năm: 1979; nơi thường trú: số G đường T, phường Đ, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Cáp T1, sinh năm 1979; nơi thường trú: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà Lê Thị L, sinh năm 1979; thường cư trú: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án nguyên đơn – Ông Lê Tịnh Minh T trình bày như sau:

Ông T và ông Cáp T1, bà Lê Thị L không có quan hệ gì với nhau. Trước đây, ông T biết được thông tin ông Cáp T1 có nhu cầu bán xe ô tô biển số 53U-2153 trên mạng xã hội facebook nên đã liên lạc với ông T1 để trao đổi về những vấn đề liên quan đến mua bán xe ô tô này.

Đến ngày 19/11/2024 ông T đến xã B để coi xe. Sau khi trao đổi, thỏa thuận ông T đồng ý mua chiếc xe ô tô biển số 53U-2153 trị giá 27.000.000đ. Ông T chuyển khoản vào tài khoản của ông T1 số tiền 23.000.000đ và đưa tiền mặt 4.000.000đ. Tại thời điểm này, hai bên mua bán chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ không viết giấy tờ gì. Sau khi giao tiền, ông T1 đã bàn giao xe và các giấy tờ liên quan cho ông T sử dụng. Sau đó, ông T đem chiếc xe đi sữa chữa để đưa vào hoạt động thì phát hiện giấy tờ xe không hợp lệ. Ông T liên hệ với ông T1 để tìm cách khắc phục thì ông T1 đồng ý nhận lại xe và trả lại tiền cho ông T. Tuy nhiên, sau đó ông T liên lạc với ông T1 để bàn giao lại xe thì ông T1 cố tình trốn tránh nên ông T và ông T1 không thỏa thuận được với nhau. Cho nên, ông T khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch mua bán xe thỏa thuận miệng giữa ông T và ông T1 là vô hiệu; đề nghị ông T1 trả lại cho ông T số tiền đã nhận là 27.000.000 đồng. Ông T đồng ý bàn giao lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu suzuki biển số 53U-2153 cho ông T1.

Trước đây, ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả lại tiền sữa chữa xe ô tô là 11.500.000 đồng, nhưng hiện nay ông T xin rút yêu cầu này.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn – Ông Cáp T1 trình bày:

Vào tháng 10/2024 có người em tên là D nhờ ông T1 bán giùm chiếc xe nhãn hiệu Suzuki biển số bao nhiêu thì ông T1 không nhớ. Ông T1 nhờ một người bạn tên là C (không xác định được họ tên, địa chỉ) đăng tin trên trang Chợ Tốt để bán chiếc xe ô tô này. Sau đó, ông T có liên lạc với ông T1 để trao đổi mua bán chiếc xe này. Ông T đã đến xem xe trực tiếp và đồng ý mua, hai bên thống nhất bán chiếc xe này với giá 27.000.000 đồng. Tại thời điểm mua bán, hai bên không thỏa thuận sang tên đăng ký xe, cũng không viết giấy tờ mua bán với nhau. Ông T1 là người trực tiếp thỏa thuận mua bán và giao xe cùng với các giấy tờ có liên quan gồm giấy đăng ký xe và sổ kiểm định cho ông T. Ông T là người trực tiếp thanh toán tiền xe cho ông T1 bằng tiền mặt và chuyển khoản nhưng do thời gian đã lâu nên ông T1 không nhớ rõ cụ thể bao nhiêu tiền. Nhưng ông T1 thừa nhận rằng ông T đã thanh toán cho ông T1 đủ số tiền 27.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền thì ông D cho người quen vào gặp ông T1 để lấy số tiền này.

Tại thời điểm mua, ông T đã xem xét các giấy tờ xe, kiểm tra xe rất kỹ rồi mới đồng ý mua chiếc xe này. Ông T1 không biết thông tin gì liên quan đến chiếc xe cho đến khi ông T thông báo về việc thông tin giấy tờ xe không hợp lệ. Lúc này ông D chết nên ông T1 không thể đối chiếu xác minh thông tin về chiếc xe được.

Theo những hình ảnh Tòa án cung cấp kèm theo biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản đối với xe ô tô biển kiểm soát 53U-2153 ngày 07/5/2025, ông T1 cho rằng

chiếc xe trong ảnh hoàn toàn khác về màu sơn và các chữ dán trên xe so với chiếc xe trước đây ông bàn giao cho ông T. Về biển số xe, số khung, số máy thì ông T1 không nhớ nên không thể xác định được. Sau khi ông T mua xe về đã tiến hành sơn sửa, sửa chữa lại như thế nào thì ông T1 không biết.

Ông T1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu tuyên bố giao dịch mua bán xe thỏa thuận miệng giữa ông T và ông T1 là vô hiệu. Ông T1 không đồng ý nhận lại chiếc xe này và cũng không đồng ý hoàn trả lại cho ông T số tiền 27.000.000 đồng vì ông cho rằng ông không phải là chủ sở hữu của chiếc xe, ông chỉ đứng ra bán giùm cho một khác.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn – Bà Lê Thị L trình bày:

- Việc mua bán xe giữa ông T1 và ông T như thế nào thì bà L không biết. Cho nên, bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc có trách nhiệm cùng ông T1 trả số tiền 27.000.000đ. Bà T không liên quan gì đến vụ án mà các bên đương sự đang tranh chấp nên không có yêu cầu gì liên quan đến vụ án.

[4] Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Ông Lê Tịnh Minh T cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 bản sao căn cước công dân đứng tên Lê Tịnh Minh T; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy (bản photo) đứng tên Nguyễn Văn T2; 01 giấy kết quả từ cục Đ (photo); 01 giấy photo tìm kiếm theo thông tin giao dịch; 01 tờ giấy làm xe Suzuki biển số 53U-2153; 01 USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông T và ông T1 vào ngày 30/12/2024; 04 tờ giấy A4 trích từ sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của ông Lê Tịnh Minh T từ Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh B

- Ông Cáp T1: Không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác

[5]. Những vấn đề các đương sự thống nhất và không thống nhất:

Ông Lê Tịnh Minh T khởi kiện yêu cầu ông Cáp T1, bà Lê Thị L phải trả lại số tiền 27.000.000 đồng. Ông T sẽ trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 53U-2153 cho ông T1.

Ông Cáp T1 xác định có nhận của ông T số tiền 27.000.000 đồng tiền mua bán xe. Ông T1 không đồng ý hoàn trả lại số tiền 27.000.000đ và nhận lại xe ô tô biển số 53U-2153.

[6]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Các Điều 119, 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 147; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tịnh Minh T. Tuyên bố giao dịch mua bán xe thỏa thuận miệng giữa ông Lê Tịnh Minh T và ông Cáp T1 là vô hiệu.

Buộc ông Cáp T1 có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lê Tịnh Minh T số tiền đã nhận là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng)*.

Buộc ông Lê Tịnh Minh T có trách nhiệm trả lại cho ông C1 T1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 53U-2153 cùng các giấy tờ xe có liên quan.

Về án phí: Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Cáp Thanh vắng M có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Lê Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xem xét xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Cáp T1; bà Lê Thị L là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lê Tịnh Minh T khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch mua bán xe thỏa thuận miệng giữa ông Lê Tịnh Minh T và ông Cáp T1 là vô hiệu. Ông T yêu cầu ông Cáp T1 phải có trách nhiệm trả số tiền đã nhận là 27.000.000 đồng. Ông Lê Tịnh Minh T trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 53U-2153 cho ông Cáp T1. Ngoài yêu cầu này thì các đương sự không còn yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[3] Xét yêu cầu về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của ông Lê Tịnh Minh T:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và sự thừa nhận của các bên đương sự đã thể hiện, vào ngày 19/11/2024 giữa ông Lê Tịnh Minh T và ông Cáp T1 có giao dịch mua bán xe thỏa thuận miệng với nhau đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 53U-2153 với số tiền 27.000.000đ. Ông T đã thanh toán đủ cho ông T1 số tiền 27.000.000đ. Ông Cáp T1 đã bàn giao xe và các giấy tờ gồm

giấy đăng ký xe, sổ đăng kiểm cho ông T được quyền sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng thì ông T phát hiện các giấy tờ này không hợp lệ. Ông T nhiều lần liên hệ thỏa thuận với ông T1 để thỏa thuận giải quyết các vấn đề liên quan đến việc mua bán chiếc xe ô tô biển số 53U-2153, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 xác định chiếc xe mô tô biển số 53U-2153 ông T1 không phải là chủ sở hữu mà ông T1 đứng ra bán giùm cho cho người khác. Ông T1 là người trực tiếp thỏa thuận mua bán và nhận tiền từ ông T. Tuy nhiên, do ông T1 không cung cấp chứng cứ gì chứng minh ông T1 bán xe ô tô biển số 53U-2153 giùm người khác nên phần trình bày của ông T1 không có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch mua bán xe ô tô biển số 53U-2153 giữa ông T1 và ông T là hoàn toàn tự nguyện. Ông T đã thanh toán đủ tiền cho ông T1 bằng hình thức chuyển khoản và giao tiền mặt. Ông T1 đã bàn giao xe và các giấy tờ liên quan cho ông T được quyền sử dụng. Tuy nhiên, các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau mà không thực hiện hợp đồng có công chứng chứng thực là vi phạm điểm a, b khoản 2 Điều 11, Thông tư 24/2023/TT-BCA, ngày 01/7/2023 của Bộ C2 quy định về cấp, thu hồi, đăng ký, biển số xe cơ giới. Ông T1 không phải đứng tên trong giấy đăng ký xe; không phải là chủ sở hữu xe ô tô biển số 53U-2153, nhưng ông T1 đứng ra trực tiếp trao đổi, thỏa thuận mua bán xe với ông T là không phù hợp. Do đó, giao dịch mua bán giữa ông T và ông T1 là vi phạm hình thức giao dịch dân sự quy định khoản 2 Điều 119 BLDS. Cho nên, giao dịch mua bán xe ô tô biển số 53U-2153 giữa ông T1 và ông T là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 116 BLDS. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T về việc tuyên bố giao dịch thỏa thuận miệng mua bán xe ô tô biển số 53U – 2153 với ông T1 vô hiệu là có căn cứ chấp nhận.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông T yêu cầu vợ chồng ông T1, bà L phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã nhận là 27.000.000đ. Ông T đồng ý giao trả lại chiếc xe ô tô biển số 53U – 2153. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Ông T không yêu cầu vợ chồng ông T1, bà L mà chỉ yêu cầu ông T1 có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 27.000.000đ.

Xét thấy: Sau khi ông T1 bàn giao chiếc xe ô tô 53U-2153 thì ông T đã tiến hành sữa chữa, sơn lại phần hình dáng bên ngoài chiếc xe. Mặc dù, ông T1 cho rằng hình dáng chiếc xe hiện tại không giống chiếc xe tại thời điểm ông T1 bàn giao cho ông T. Tuy nhiên, căn cứ vào một số tài liệu, chứng cứ ông T cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì có đủ căn cứ xác định sau khi bán xe cho ông T. Ông T1 biết ông T có tiến hành sơn lại hình dáng bên ngoài chiếc xe. Căn cứ khoản 2 Điều 131 BLDS quy định khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc sơn sửa xe ô tô của ông T làm thay đổi hình dáng ban đầu, nhưng làm tăng giá trị chiếc xe ô tô biển số 53U-2153. Ông T không yêu cầu ông T1 phải hoàn

trả lại số tiền sửa chữa xe. Do đó, không cần buộc ông T phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với chiếc xe ô tô biển số 53U-2153 mà ông T1 đã bàn giao cho ông T vào ngày 19/11/2024. Chỉ cần buộc ông T1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T số tiền 27.000.000đ. Ông T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T1 chiếc xe ô tô biển số 53U-2153 hiệu suzuki và 01 giấy chứng nhận kiểm định số No: DA 4814777, ngày 28/10/2024; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 005787 đứng tên Nguyễn Văn T2 là phù hợp.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tịnh Minh T được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc ông Cáp T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 271; điểm b, d khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các khoản 2 Điều 119; Điều 131; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tịnh Minh T.

- Tuyên bố giao dịch dân sự mua bán xe ô tô biển số 53U-2153 bằng thỏa thuận miệng giữa ông Cáp T1 và ông Lê Tịnh Minh T vào ngày 19/11/2024 là giao dịch dân sự vô hiệu.

- Buộc ông Cáp T1 có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lê Tịnh Minh T số tiền đã nhận là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng)*.

- Ông Lê Tịnh Minh T có trách nhiệm trả lại cho ông C1 T1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 53U-2153; 01 giấy chứng nhận kiểm định số No: DA 4814777, ngày 28/10/2024; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 005787 đứng tên Nguyễn Văn T2

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về án phí:* Buộc ông Cáp T1 phải nộp 1.650.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn trả lại cho ông Lê Tịnh Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.262.500đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001694, ngày 17/4/2025 (300.000đ) và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001532, ngày 19/02/2025 (962.500đ) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai; Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/6/2025. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Tánh Linh;
- CC THADS H.Tánh Linh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Yến